

CHỦ ĐỀ 6. ÔN TẬP VỀ TỪ
MÔN: NGỮ VĂN – CẢNH ĐIỀU - LỚP 7



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. Lý thuyết

	Khái niệm	Phân loại
Phó từ	Là các từ ngữ luôn đi liền với các từ loại khác là tính từ, động từ và trạng từ với tác dụng bổ sung, giải thích rõ hơn ý nghĩa của các từ mà nó đi kèm	- Phó từ đứng trước động từ, tính từ - Phó từ đứng sau động từ tính từ.
Từ Hán Việt	Là từ mượn tiếng Việt, có nghĩa gốc của tiếng Hán nhưng được ghi bằng chữ cái Latinh và âm đọc là âm đọc tiếng Việt (không phải âm đọc tiếng Hán).	Được chia thành 3 loại là: từ Hán Việt cổ, từ Hán Việt và từ Hán Việt đã được Việt hoá.
Từ ngữ địa phương	Là những từ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định	- Theo vùng miền có 3 loại là: từ ngữ địa phương Bắc Bộ, từ ngữ địa phương Trung Bộ, từ ngữ địa phương Nam Bộ - Theo ý nghĩa có 2 loại: tương ứng với từ toàn dân và đồng âm khác nghĩa với từ toàn dân
Số từ	Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ.	- Số từ chỉ số lượng thường đứng trước danh từ bao gồm số từ xác định, như: một, hai, ba và số từ ước chừng, như: vài, dăm, mười. - Số từ chỉ thứ tự thường đứng sau danh từ để nói rõ về thứ tự. Tuy nhiên, có trường hợp số từ chỉ số lượng nhưng vẫn đứng sau danh từ.

B. Bài tập

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trời đã bắt đầu sáng rõ. Chim chóc cũng vừa mới hót líu lo trên cành. Gió nhẹ thổi qua làm cây lá khẽ lay động. Mọi vật dường như đang thức dậy sau một giấc ngủ dài. Tôi chậm rãi bước ra sân, hít một hơi thật sâu và khẽ mỉm cười với buổi sáng bình yên.

- Tìm 5 phó từ có trong đoạn văn trên và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho động từ hoặc tính từ đứng sau (hoặc trước) chúng.
- Viết lại một câu trong đoạn văn, thay đổi phó từ bằng từ khác có nghĩa tương đương (nếu có thể), rồi giải thích sự thay đổi đó có làm thay đổi sắc thái ý nghĩa câu không.
- Viết một đoạn văn (4–5 câu) kể về một buổi sáng của em, sử dụng ít nhất 3 phó từ. Gạch chân những phó từ đó.

Câu 2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ở quê ngoại em, người ta thường gọi “khoai lang” là củ sắn, “ngô” là bắp, và “mẹ” là mạ. Mỗi lần về thăm quê, em lại nghe bà ngoại nói: “Chiều ni mạ nấu canh rau đay với tép nghe con!” Nghe giọng nói và cách xưng hô thân thương ấy, em cảm thấy quê hương thật gần gũi và đầy yêu thương.

- Tìm và ghi lại các từ ngữ địa phương có trong đoạn văn trên. Ghi lại từ ngữ toàn dân tương ứng với những từ địa phương đó.
- Viết một đoạn văn ngắn (4–5 câu) kể về một kỉ niệm đáng nhớ của em với người thân hoặc bạn bè, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ ngữ địa phương. Gạch chân những từ đó.

Câu 3. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sáng nay, lớp 7A tổ chức trồng cây xanh trong khuôn viên trường. Mỗi tổ được phân công trồng năm cây. Tổ 1 trồng bốn cây cau và một cây bàng. Tổ 2 trồng ba cây xoài và hai cây phượng. Tổng cộng, cả lớp trồng được mười cây. Ai nấy đều vui vẻ và hào hứng tham gia.

- Xác định **tất cả các số từ** có trong đoạn văn.
- Xếp các số từ đó vào bảng phân loại sau:

Số từ	Chỉ số lượng	Chỉ thứ tự

- Viết một đoạn văn (4–5 câu) kể về một hoạt động của lớp em, trong đó có sử dụng **ít nhất 3 số từ**. Gạch chân các số từ đó.

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trong cuộc sống, hiếu thảo với cha mẹ là phẩm chất đạo đức quan trọng. Người con biết hiếu nghĩa sẽ luôn kính trọng, chăm sóc cha mẹ lúc ốm đau, già yếu. Ngoài ra, lòng khoan dung, sự tự trọng và tinh thần tự lập cũng là những giá trị sống cần được gìn giữ và phát huy trong mỗi con người.

- Xác định các từ Hán Việt trong đoạn văn trên và giải nghĩa
- Viết một câu có sử dụng từ Hán Việt “tự lập”, và giải thích ý nghĩa của câu đó.
- Theo em, việc sử dụng từ Hán Việt trong nói và viết mang lại những lợi ích gì?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về phó từ

Lời giải chi tiết:

a.

Phó từ	Từ được bổ nghĩa	Ý nghĩa bổ sung
Đã	Bắt đầu	Thời gian trong quá khứ
Bắt đầu	Sáng rõ	Mức độ (mới xuất hiện)
Vừa mới	Hót	Thời gian gần hiện tại
Dường như	Đang thức dậy	Sự phỏng đoán, không chắc chắn
Khẽ	Mỉm cười / lay động	Mức độ nhẹ, tinh tế

b.

- Câu gốc: Tôi *chậm rãi* bước ra sân...- Viết lại: Tôi **từ từ** bước ra sân...

=> Nhận xét: Thay “chậm rãi” bằng “từ từ” không làm thay đổi nghĩa cơ bản, nhưng “chậm rãi” gợi cảm giác thư thái hơn, còn “từ từ” mang sắc thái trung tính hơn.

c. Sáng nay, em **vừa mới** thức dậy thì nghe tiếng chim hót líu lo ngoài vườn. Em **nhẹ nhàng** kéo rèm cửa sổ và **lặng lẽ** nhìn ra ngoài. Cảnh vật thật yên bình và trong lành. Em thấy một ngày mới đã bắt đầu thật êm đềm.- *Chú thích*: phó từ in đậm

Câu 2:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học về từ ngữ địa phương

Lời giải chi tiết:

a.

Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân
củ sắn	khoai lang
bắp	ngô
mạ	mẹ
ni	nay (hôm nay)
tép	tôm nhỏ

b. Khi về quê ngoại, em được **mạ** dắt ra đồng chơi. Trên đường đi, mạ hái cho em một bông **bắp chuối** và kể chuyện ngày xưa. Em thích nhất là lúc cả nhà ngồi quanh mâm cơm, nghe giọng nói quê hương thân thuộc, thấy lòng mình thật yên bình.

- *Chú thích:* Từ ngữ địa phương được in đậm

Câu 3:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học về số từ

Lời giải chi tiết:

a. Các số từ trong đoạn văn: năm, bốn, một, hai, ba, mười, 7A, tổ 1, tổ 2

b.

Số từ	Chỉ số lượng	Chỉ thứ tự
năm	X	
bốn	X	
một	X	
hai	X	
ba	X	
mười	X	
7a		X
tổ 1		X
tổ 2		X

c. Trong đợt kiểm tra học kỳ vừa rồi, lớp em có **ba mươi lăm** bạn tham gia. Trong đó có **hai mươi** bạn đạt điểm giỏi. Em thuộc nhóm **năm** bạn có điểm văn cao nhất lớp. Ai cũng vui mừng vì kết quả tốt đẹp.

- *Chú thích:* số từ in đậm

Câu 4:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về từ Hán Việt

Lời giải chi tiết:

a.

Từ Hán Việt	Giải nghĩa
hiếu thảo	yêu thương, kính trọng cha mẹ
hiếu nghĩa	có tình nghĩa, biết ơn và cư xử tốt với người thân
khoan dung	rộng lượng, dễ tha thứ cho người khác
tự trọng	biết coi trọng phẩm giá, danh dự của bản thân
tự lập	tự mình lo liệu, không dựa dẫm vào người khác

b.

- Câu: *Bạn Nam là người sống rất **tự lập**, từ nhỏ đã biết tự học, tự chăm sóc bản thân.*

=> Câu này nói rằng bạn Nam có khả năng tự làm mọi việc mà không cần phụ thuộc vào người khác. “Tự lập” là một đức tính tốt, cần thiết trong cuộc sống hiện đại.

c. Việc sử dụng từ Hán Việt giúp câu văn trở nên trang trọng, sâu sắc và cô đọng hơn. Tuy nhiên, cần dùng đúng cách để không gây khó hiểu cho người đọc, người